

**CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025***(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)**(Kèm theo Quyết định số: 342 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2026 của UBND xã An Phú)**Đơn vị tính: 1.000 đồng*

Nội dung	Quyết toán	Nội dung	Quyết toán
Tổng số thu	230.786.275,860	Tổng số chi	230.786.275,860
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	2.013.152,654	I. Chi đầu tư phát triển	37.222.649,648
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	16.961.769,247	II. Chi thường xuyên	175.669.756,500
III. Thu bổ sung từ NS cấp trên	178.904.430,340	III Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau	17.687.985,712
- Bổ sung cân đối	133.084.000,000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	205.884,000
- Bổ sung có mục tiêu	45.820.430,340		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước			
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã	32.906.923,619		
Kết dư ngân sách			



Biểu số 117/CK TC-NSNN

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2026 của UBND xã An Phú)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	148.299.000	136.835.000	257.514.037	230.786.276	173,65	168,66
I	Các khoản thu 100%	527.000	527.000	2.635.401	2.013.153	500,08	382,00
	Phí, lệ phí	142.000	142.000	320.589	192.134	225,77	135,31
	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác	340.000	340.000	937.582	937.582	275,76	275,76
	Thu khác	45.000	45.000	1.377.230	883.436	3.060,51	1.963,19
II	Các khoản thu phân chia theo tỉ lệ phần trăm (%)	14.688.000	3.224.000	43.067.282	16.961.769	293,21	526,11
1	Các khoản thu phân chia	596.000	596.000	7.238.396	2.286.249	1.214,50	383,60
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	266.000	266.000	260.399	240.987	97,89	90,60
	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước						
	Lệ phí trước bạ nhà, đất	330.000	330.000	6.977.997	2.045.263	2.114,54	619,78
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	14.092.000	2.628.000	35.828.886	14.675.520	254,25	558,43
	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	509.000	407.000	8.191.114	738.916	1.609,26	181,55
	Thu tiền sử dụng đất	13.300.000	1.995.000	10.987.464	5.977.988	82,61	299,65
	Thuế thu nhập cá nhân	283.000	226.000	16.650.309	7.958.616	5.883,50	3.521,51
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			32.906.924	32.906.924		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	133.084.000	133.084.000	178.904.430	178.904.430	134,43	134,43
	Thu bổ sung cân đối ngân sách	133.084.000	133.084.000	133.084.000	133.084.000	100,00	100,00
	Thu bổ sung có mục tiêu			45.820.430	45.820.430		



Biểu số 118/CK TC-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 342/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2026 của UBND xã An Phú)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNGCHI	136.835.000	1.995.000	134.840.000	230.786.276	37.222.650	193.563.626	4.462,92	1.865,80	3.206,32
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục	90.403.000		90.403.000	107.660.574	11.953.409	95.707.165	119,09		105,87
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	224.000		224.000	224.000		224.000	100,00		100,00
4	Chi văn hoá, thông tin	341.000		341.000	730.835	163.410	567.426	214,32		166,40
5	Chi phát thanh, truyền hình	304.000		304.000	530.031		530.031	174,35		174,35
6	Chi thể dục thể thao	178.000		178.000	204.730		204.730	115,02		115,02
7	Chi bảo vệ môi trường	120.000		120.000	1.862.440	363.649	1.498.791	1.552,03		1.248,99
8	Chi các hoạt động kinh tế	2.109.000		2.109.000	23.699.693	18.390.693	5.309.000	1.123,74		251,73
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	33.063.000	1.995.000	31.068.000	62.388.084	5.183.594	57.204.490	188,69		184,13
10	Chi công tác xã hội	7.371.000		7.371.000	15.592.018	1.167.894	14.424.124	211,53		195,69
11	Chi khác (nộp trả NS cấp trên)	31.000		31.000	205.884		205.884	664,14		664,14
12	Dự phòng NSX	2.691.000		2.691.000	-		-	-		-
13	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sa	-			17.687.986		17.687.986			

QUYẾT TOÁN CHI ĐÀU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2026 của UBND xã An Phú)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	Thời gian khởi công hoàn thành	* Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị thanh toán đến 31/12/2024	Giá trị thanh toán năm 2025			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
									Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ			181.930.945	-	157.928.102	124.637.673	37.222.650	-	37.222.650	
1/	Công trình chuyển tiếp		170.578.584	-	154.234.150	124.637.673	27.406.726	-	27.406.726	
1.1	Nhà lớp học 1 tầng 4 phòng móng 3 tầng trường Tiểu học An Lâm	6/2016-12/2016	4.246.119		3.875.190	3.001.897	486.999,00		486.999,00	
1.2	San lấp trường Tiểu học An Lâm	3/2016-4/2016	634.244		568.799	51.400	517.375,00		517.375,00	
1.3	Cải tạo nhà lớp học 10 phòng 2 tầng trường THCS An Lâm, huyện Nam Sách	8/2012-11/2012	1.247.849		1.206.210	900.399	305.811,00		305.811,00	
1.4	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường Mầm non An Lâm, huyện Nam Sách	10/2020 - 5/2021	4.197.116		3.400.004	3.316.186	83.814,00		83.814,00	
1.5	Đường GTNT đoạn từ cổng làng thôn An Ninh đến nhà ông Quý	9/2017-12/2017	4.644.979		3.698.798	3.325.519	347.592,00		347.592,00	
1.6	Đường GTNT đoạn từ nhà Ông Đô đến ngã tư Ông Chuyên	8/2017-02/2018	4.328.755		3.374.898	3.233.399	108.103,00		108.103,00	
1.7	ĐGT nông thôn (đoạn từ Cổng chào đến cổng ông Sơn Đội 6)	3/2018-6/2019	4.887.887		4.385.265	4.205.915	178.722,00		178.722,00	
1.8	ĐGT nông thôn (đoạn từ UBND đến ngã tư thôn Đa Đình)	10/2017-2/2018	4.903.077		4.453.989	4.282.043	171.945,00		171.945,00	
1.9	Đường giao thông nông thôn xã An Bình (đoạn từ ngã tư thôn Đa Đình đến ngã tư ông Cù và đoạn từ nhà văn hoá thôn Đào Xá đến dốc dê)	10/2018-6/2019	4.895.077		4.431.904	4.248.217	183.683,00		183.683,00	
1.10	Đường GTNT xã An Bình (đoạn từ dốc dê thôn Đa Đình đến ngã tư thôn Đa Đình; đoạn từ ngã tư thôn Đa Đình đến cổng ông Huân; đoạn từ dốc dê An Đông đến ngã tư ông Vui Truyền)	9/2018-2/2019	5.204.221		4.654.476	4.381.491	268.649,00		268.649,00	
1.11	Cải tạo bãi rác, đường bãi rác thôn Hoàng Dương xã An Lâm	11/2024-03/2025	440.005		418.349	382.687	35.682,00		35.682,00	

STT	NỘI DUNG	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị thanh toán đến 31/12/2024	Giá trị thanh toán năm 2025			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
									Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
1.12	Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng trường Tiểu học An Lâm	12/2022-8/2023	13.414.842		12.727.116	12.203.760	523.145,00		523.145,00	
1.13	Cải tạo sửa chữa bể bơi trường Tiểu học An Lâm, huyện Nam Sách	10/2021-11/2021	498.259		496.974	451.551	43.423,00		43.423,00	
1.14	Sửa chữa, khắc phục một số hạng mục công trình: Trụ sở UBND xã, trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở An Lâm và một số thiết bị chiếu sáng đường trục xã.	11/2024-12/2024	932.172		932.172	444.000	434.275,00		434.275,00	
1.15	Cải tạo nâng cấp tuyến đường giao thông từ cổng Đình yển đến dốc đê Đò Quốc	9/2024-4/2025	19.140.017		16.990.072	7.283.649	9.673.663,00		9.673.663,00	
1.16	Đường vào trụ sở làm việc công an xã Cộng Hòa	11/2024-12/2024	984.052		909.553	804.007	105.546,00		105.546,00	
1.17	Nâng cấp cải tạo nghĩa trang liệt sỹ xã Cộng Hòa	20/9/2024-1/2025	5.498.801		5.369.117	3.215.941	1.167.894,00		1.167.894,00	
1.18	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc của Đảng ủy - HĐND - UBND xã Cộng Hòa	10/2024-12/2024	951.590		927.892	807.234	120.658,00		120.658,00	
1.19	HTKT điểm dân cư phía Đông thôn Cổ Pháp, xã Cộng Hòa (giai đoạn 1)	4/2023-10/2023	14.855.783		14.024.849	12.495.808	1.529.049,00		1.529.049,00	
1.20	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới An Điền, xã Cộng Hòa, huyện Nam Sách; Hạng mục: San lấp, đường giao thông, thoát nước và hệ phố -GD1	5/2020-10/2020	7.372.859		5.439.768	5.356.727	80.080,00		80.080,00	
1.21	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới An Điền, xã Cộng Hòa, huyện Nam Sách; Hạng mục: San lấp, đường giao thông, thoát nước và hệ phố -GD2	3/2021-9/2021	7.995.863		7.160.899	6.920.500	240.390,00		240.390,00	
1.22	Nâng cấp, cải tạo, trải thảm nhựa mặt đường đoạn đường từ ngã tư ông Tráng Chuyển đến sau Ủy ban nhân dân xã An Bình	2/2024-3/2024	998.993		978.754	960.220	18.534,00		18.534,00	

STT	NỘI DUNG	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị thanh toán đến 31/12/2024	Giá trị thanh toán năm 2025			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
									Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
1.23	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên thôn An Đông - An Đoài, xã An Bình, huyện Nam Sách	9/2024-12/2024	1.950.000		1.630.323	1.570.680	59.642,55		59.642,55	
1.24	Nhà lớp học bộ môn 3 tầng 9 phòng trường THCS An Bình và một số hạng mục phụ trợ	11/2024-5/2025	14.991.000		14.044.238	5.110.534	8.933.771,16		8.933.771,16	
1.25	Cải tạo, lát sân trường Tiểu học An Bình	11/2024-12/2024	396.109		343.701	317.740	25.960,70		25.960,70	
1.26	Sửa chữa, khắc phục một số hạng mục công trình Trụ sở UBND xã, trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở xã An Bình bị hư hại do cơn bão số 3 gây ra	11/2024-12/2024	950.000		906.254	836.075	70.179,00		70.179,00	
1.27	Nhà văn hóa thôn Đào Xá, xã An Bình, huyện NS	11/2023-2/2024	1.650.000		1.566.246	1.527.306	38.939,75		38.939,75	
1.28	Nhà văn hóa thôn An Đoài, xã An Bình, huyện NS	4/2024-8/2024	2.435.000		2.304.466	2.179.996	124.470,00		124.470,00	
1.29	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới thôn An Đông, xã An Bình, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương (giai đoạn 1)	11/2020 - 05/2021	14.991.365		13.554.573	13.173.039	381.534,00		381.534,00	
1.30	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới thôn An Đông, xã An Bình, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương (giai đoạn 2)	6/2022 - 01/2023	10.894.193		9.410.945	9.105.224	305.700,00		305.700,00	
1.31	Xây dựng một số tuyến đường giao thông nội đồng xã Phú Điền, huyện Nam Sách	11/2024-03/2025	4.196.596		4.196.596	3.650.000	44.415,00		44.415,00	
1.32	Cải tạo sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 12 phòng trường Mầm non Phú Điền, huyện Nam Sách	05/2024-09/2024	2.500.000		2.500.000	2.064.530	371.670,00		371.670,00	
1.33	Cải tạo, xây dựng các công trình phụ trợ trường Tiểu học và THCS Phú Điền;	10/2024-12/2024	1.700.000		1.700.000	1.430.000	217.505,00		217.505,00	



STT	NỘI DUNG	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị thanh toán đến 31/12/2024	Giá trị thanh toán năm 2025			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
									Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
1.34	Sửa chữa hệ thống mái nhà làm việc 2 tầng, nhà giải quyết thủ tục hành chính một cửa, một số hạng mục phụ trợ trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Phú Điền và nhà hiệu bộ 2 tầng 8 phòng trường Tiểu học và THCS Phú Điền	11/2024 - 12/2024	458.559		458.559	400.000	34.258,00		34.258,00	
1.35	Công trình : Đường, sân, tường rào bãi rác xã Phú Điền, huyện Nam Sách	08/2024-10/2024	1.193.202		1.193.202	1.000.000	173.649,00		173.649,00	
2/	Công trình khởi công mới		11.352.361	-	3.693.952	-	9.815.923	-	9.815.923	
2.1	Xây dựng tuyến đường giao thông nội đồng phủ Xuyên thôn Phú Văn, xã An Phú, huyện Nam Sách	05/2025-06/2025	989.000		959.000	-	850.000,00		850.000,00	
2.2	Cải tạo nâng cấp đường giao thông thôn Cẩm Lý - Lang Khê, xã An Phú, huyện Nam Sách	06/2025-10/2025	4.564.000		200.000	-	4.176.194,90		4.176.194,90	
2.3	Công trình : Sửa chữa bãi rác tập trung thôn Hoàng Dương xã An Phú, huyện Nam Sách	03/2025-04/2025	230.000		-	-	190.000,00		190.000,00	
2.4	Cải tạo chỉnh trang đường điện chiếu sáng đường HL 5B đoạn qua xã An Phú	05/2025-06/2025	1.758.542		1.733.542	-	1.601.800,00		1.601.800,00	
2.5	Sửa chữa, cải tạo Hội trường xã An Bình, huyện Nam Sách	2/2025-4/2025	851.871		801.410	-	801.410,00		801.410,00	
2.6	Cải tạo, sửa chữa mái nhà A Nhà lớp học 2 tầng + Phòng chức năng trường mầm non An Lâm	11/-12/2025	550.000		-	-	443.947,60		443.947,60	
2.7	Cải tạo, sửa chữa các HM Nhà làm việc 3 tầng UBND xã, Nhà làm việc 2 tầng (CA cũ), Nhà để xe, công, sân tường rào trụ sở UBND xã; Cải tạo bếp ăn của UBND xã	11/-12/2025	1.680.935		-	-	1.186.060,99		1.186.060,99	
2.8	Cải tạo tuyến đường kết nối từ thôn Đông Nghĩa kết khu công nghiệp An Phát	11/-12/2025	728.013		-	-	566.510,00		566.510,00	



Biểu số 120/CK TC-NSNN

THỰC HIỆN THU CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2026 của UBND xã An Phú)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	Kế hoạch năm 2025			Thực hiện năm 2025		
		Thu	Chi	Chênh lệch	Thu	Chi	Chênh lệch
	TỔNG SỐ						
1	Các quỹ tài chính ngoài ngân sách						
2	Các hoạt động sự nghiệp						
+	Chợ						
+	Bến bãi						